

Sở GD&ĐT TP Đà Nẵng
Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển
Tổ: Ngữ văn, KHBD khối 12
GV: Phạm Thị Hà
Ngày soạn: 28/2/2026
Ngày dạy: Tuần 25

Tiết 80

ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II-12
Năm học: 2025 – 2026

A. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA										
TT	Thành phần năng lực	Mạch nội dung	Số câu	Mức độ nhận thức						Tổng % điểm
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		
				Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	40%
1	Đọc	Văn bản thơ Hồ Chí Minh.	5	2	15 %	2	20%	1	5%	
2	Viết	Viết đoạn văn nghị luận văn học(thơ)	1	10%		5%		5%		20%
		Viết bài văn nghị luận xã hội	1	15%		5%		20%		40%
Tỉ lệ				40%		30%		30%		100

B. BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
I	ĐỌC HIỂU	Văn bản thơ Hồ Chí Minh.	Nhận biết: - Chỉ ra dấu hiệu để nhận biết thể loại văn bản. - Tìm từ ngữ, hình ảnh có trong văn bản. Thông hiểu: - Phân tích tác dụng biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản. - Hiểu được nội dung, nghệ thuật trong văn bản... Vận dụng: - Rút ra được những bài học, thông điệp cho bản thân. - Nêu được quan điểm, nhận thức riêng của cá nhân.	2	2	1	40
II	LÀM VĂN	1. Viết đoạn nghị luận văn học (thơ)	Nhận biết: - Giới thiệu được vấn đề nghị luận. - Đảm bảo cấu trúc của một đoạn văn nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Thông hiểu: Diễn giải về nội dung của đoạn thơ. Vận dụng: Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để làm rõ vấn đề nghị luận. Vận dụng cao: - Đánh giá được đặc sắc nội dung của đoạn thơ - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết; sáng tạo trong cách diễn đạt.				20

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
		2. Viết văn bản nghị luận xã hội(vấn đề liên quan đến tuổi trẻ-ứng xử trong GD và XH)	Nhận biết: - Xác định được vấn đề cần nghị luận. - Xác định được cách thức trình bày một văn bản nghị luận xã hội. Thông hiểu: -Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. Vận dụng: Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề cần bàn luận. Vận dụng cao: - Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về vấn đề. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh.				40
Tỉ lệ				40%	30%	30%	100%
Tổng				100%			

C. ÔN TẬP:

- Hình thức bài thi: tự luận
- Thời gian: 90 phút
- Cấu trúc đề gồm 2 phần: Đọc hiểu và Viết (Làm văn)

*** Phần I: Đọc hiểu (4.0 điểm):**

- Ngữ liệu :** văn bản thơ HCM
- Yêu cầu:**

- + Cần đọc, tham khảo các tác phẩm văn học thuộc thể loại thơ HCM
- + Cần rèn luyện kỹ năng đọc- hiểu để trả lời các câu hỏi ở các mức độ nhận biết và thông hiểu, vận dụng

*** Phần II: Viết (6,0 điểm):**

1. Nghị luận văn học (2đ)

- Về kiến thức:

+ Kiến thức là một đoạn văn bản thơ về nội dung, nghệ thuật

- Về kỹ năng: yêu cầu HS nắm được:

- + Kỹ năng viết một đoạn văn nghị luận phân tích, đánh giá nội dung, nghệ thuật văn bản thơ

+Dung lượng: 150 chữ

2. Nghị luận xã hội (4đ)

- Về kiến thức:

- + Kiến thức là một vấn đề xã hội

- + Phạm vi: Về ứng xử tuổi trẻ với gia đình, xã hội.

- Về kỹ năng: yêu cầu HS nắm được:

- + Kỹ năng viết một bài văn nghị luận về việc ứng xử tuổi trẻ với gia đình, xã hội.

+ Dung lượng: 600 chữ

II. HƯỚNG DẪN KỸ NĂNG VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI.

Bố cục bài viết gồm ba phần:

Mở bài:	Giới thiệu vấn đề cần luận
Thân bài:	-Nêu ý nghĩa, tầm quan trọng vấn đề luận. -Trình bày quan điểm, đề xuất cách ứng xử đúng đắn, tốt đẹp trước vấn đề đề cập. -Sử dụng lí lẽ, bằng chứng để chứng minh cho quan điểm của mình. -Phản biện một số quan điểm trái chiều.
Kết bài:	Khẳng định được tầm quan trọng của vấn đề.

III.ĐỀ THAM KHẢO

I.ĐỌC HIỂU(4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

THUY BẮT TRƯỚC

Phiên âm:

*Nhất canh... nhị canh... hựu tam canh,
Triển chuyển, bồi hồi, thuy bắt thành;
Tứ, ngũ canh thì tài hợp nhãn,
Mộng hồn hoàn nhiều ngũ tiêm tinh.*

KHÔNG NGỦ ĐƯỢC

Dịch nghĩa:

*Canh một... canh hai... lại canh ba,
Trần trọc băn khoăn không ngủ được;
Canh tư, canh năm vừa chợp mắt,
Hồn mộng đã quẩn quanh nơi ngôi sao năm cánh.*

Dịch thơ:

Một canh... hai canh... lại ba canh,
Trần trọc bần khoăn, giắc chẳng thành;
Canh bốn, canh năm vừa chộp mắt,
Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh.

NAM TRÂN dịch

(Dẫn nguồn *Hồ Chí Minh toàn tập (tập 3)*, NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, 2011, tr.380)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Chỉ ra thể thơ của văn bản trên.

Câu 2. Xác định từ ngữ chỉ thời gian được nhắc tới trong văn bản.

Câu 3. Phân tích tác dụng của biện pháp liệt kê sử dụng trong văn bản.

Câu 4. Nhận xét về con người Hồ Chí Minh thể hiện trong văn bản.

Câu 5. Từ văn bản, liên hệ với thực tiễn xã hội ngày nay, nêu suy nghĩ của anh/chị về trách nhiệm của thế hệ trẻ Việt Nam đối với đất nước.

PHẦN II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1: (2,0 điểm) Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) nêu cảm nhận về vẻ đẹp tâm hồn Bác trong bài thơ trên.

Câu 2:(4,0 điểm)

Có ý kiến cho rằng: “Gia đình là nơi phản chiếu rõ nhất nhân cách của mỗi người”

Từ góc nhìn của người trẻ, anh/ chị hãy viết bài nghị luận (khoảng 600 chữ) bàn về trách nhiệm và cách ứng xử của tuổi trẻ trong quan hệ gia đình.

GỢI Ý

I.ĐỌC HIỂU(4,0 điểm)

Câu 1.

Thể thơ: Thất ngôn tứ tuyệt

Hướng dẫn chấm:

- HS trả lời đúng như đáp án: 0,5 điểm
- HS không trả lời, hoặc trả lời sai: không cho điểm

Câu 2.

- Thời gian: đêm khuya (*nhất canh, nhị canh, tam canh, tứ, ngũ canh*)

Hướng dẫn chấm:

- HS trả lời đúng như đáp án: 0,5 điểm
- HS không trả lời, hoặc trả lời sai: không cho điểm

Câu 3.

- NT liệt kê: *nhất canh, nhị canh, tam canh, tứ, ngũ canh*

- Hiệu quả:

+ Tạo cách diễn đạt sinh động, gợi hình, gợi cảm xúc.

+ Diễn tả tâm trạng của HCM khi ở trong tù: trần trọc, bần khoăn, thao thức, trăn trở về tình hình đất nước, về cuộc đấu tranh của dân tộc.

+Qua đó, ta thấy được vẻ đẹp tâm hồn, nhân cách của HCM.

Hướng dẫn chấm:

- HS trả lời đúng như đáp án: 1,0 điểm
- HS chỉ ra được biện pháp tu từ, nêu tác dụng chung chung, tùy cách diễn đạt mà cho điểm: 0,25-0,75 điểm.
- HS không trả lời, hoặc trả lời sai: không cho điểm

Câu 4.

Con người Hồ Chí Minh thể hiện trong văn bản:

- Yêu nước, thương dân, tâm huyết với sự nghiệp Cách mạng của dân tộc.
- Lạc quan, tin tưởng vào tương lai tất thắng của Cách mạng.

Hướng dẫn chấm:

- HS trả lời đúng như đáp án: 1,0 điểm
- HS trả lời được $\frac{1}{2}$ đáp án: 0,5 điểm
- HS không trả lời, hoặc trả lời sai: không cho điểm

Câu 5.

Trách nhiệm của thế hệ trẻ hôm nay trước đất nước dân tộc.

Gợi ý:

- Nỗ lực học tập, trau dồi bản thân, rèn luyện đạo đức, sống có ước mơ, hoài bão, mục tiêu và cố gắng vươn lên.
- Tích cực tham gia vào các hoạt động công ích, các hoạt động tình nguyện, sẵn sàng chia sẻ, giúp đỡ người khác.
- Sống có tinh thần tập thể, đi theo cái hay, cái đúng, bỏ qua cái tôi vì lợi ích chung của cộng đồng.

Hướng dẫn chấm:

- HS nêu được quan điểm của bản thân phù hợp với thực tiễn hoàn cảnh của đất nước; diễn đạt logic, thuyết phục: 0,5 điểm
- HS trả lời chung chung, chưa thuyết phục: 0,25 điểm.
- HS không trả lời, hoặc trả lời sai: không cho điểm

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1:

Gợi ý

- Tâm hồn nhạy cảm, yêu thiên nhiên: dù mắt ngủ vẫn cảm nhận được vẻ đẹp đêm trăng.
 - Tinh thần lạc quan, ung dung: biến nỗi khổ thành thi hứng.
 - Ý chí kiên cường, nghị lực vượt lên hoàn cảnh.
- > Phong thái của người chiến sĩ – thi sĩ: tâm hồn tự do giữa chốn lao tù.

Đánh giá:

Câu 2:

1. Mở bài:

- Gia đình là môi trường hình thành và phản chiếu rõ nhất nhân cách mỗi người.
- Tuổi trẻ cần ý thức trách nhiệm và cách ứng xử đúng đắn trong gia đình.

2. Thân bài:

– Ý nghĩa, tầm quan trọng:

- Gia đình là nơi gần gũi, thiêng liêng, bọc lộ con người thật nhất.
- Cách cư xử với người thân thể hiện rõ đạo đức, lối sống, nhân cách.

– Quan điểm và cách ứng xử của người trẻ:

- Kính trọng, hiếu thảo với ông bà, cha mẹ.
- Yêu thương, nhường nhịn anh chị em.
- Biết lắng nghe, chia sẻ, quan tâm.
- Sống có trách nhiệm: chăm học, rèn luyện, phụ giúp gia đình.

– Lí lẽ, dẫn chứng:

- Người sống trách nhiệm trong gia đình thường có nền tảng nhân cách tốt.
- Thực tế vẫn có một số bạn trẻ thờ ơ, thiếu tôn trọng người thân.

– Phản biện:

- Không thể cho rằng nhân cách chỉ thể hiện ngoài xã hội.
- Gia đình là gốc rễ, nền tảng của mọi giá trị đạo đức.

3. Kết bài:

- Khẳng định: Gia đình là “tấm gương” phản chiếu nhân cách.
- Tuổi trẻ cần ứng xử đúng mực để hoàn thiện bản thân và giữ gìn hạnh phúc gia đình.